

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2017/HC-PT
Ngày: 22-11-2017
V/v khiếu kiện “Quyết định áp dụng
biện pháp khắc phục hậu quả trong
lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Huyện

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2017/TLPT-HC ngày 19 tháng 10 năm 2017 về khiếu kiện “Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HCST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 285/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: ấp P2, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Khắc N1-Phó Chủ tịch UBND xã Q. Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2017 (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1933 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P1, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: người khởi kiện Lê Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***. Người khởi kiện Lê Thị T trình bày:**

Bà A có phần diện tích đất 666m² thửa số 135 tờ bản đồ Số 4, tọa lạc tại ấp P1, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00682 ngày 14/01/2008. Theo bản vẽ kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Nhà nước đã thừa nhận phần đất của bà A có tứ cạnh như sau: phía Bắc dài 35,25m; phía Nam dài 32,81m phía Đông dài 18,89m và phía Tây dài 19,37m. Cạnh phía Tây có mở cho hộ ông B một lối đi có chiều ngang 0,81m dài 19,37m, sau đó ông B có xin mở rộng thêm và sử dụng cho đến nay. Tuy nhiên, sau đó ông B cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất công cộng và gửi đơn đến UBND xã Q. Ngày 12/4/2016 Địa chính xã Q và Tư pháp xã Q đến phần đất của bà đo vẽ lại, theo đó cạnh phía Bắc là 27m, theo giấy tờ là 35,25m, nên gia đình bà không có lấn chiếm đất công cộng như ông B trình bày.

Ngày 08/6/2016 UBND xã Q tiến hành họp dân, tại cuộc họp này ông B tiếp tục yêu cầu đo đạc lại. Kết quả đo đạc vẫn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A. Để tránh sự khiếu nại về sau, bà đã tiến hành cấm trụ xi măng làm hàng rào đứng vị trí.

Ngày 28/3/2017 bà được UBND xã Q tiến hành triển khai Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, nội dung quyết định, UBND xã Q xác định bà có hành vi xây dựng trụ rào bê tông trái phép và buộc bà phải tháo dỡ 08 trụ bê tông, hàng rào kẽm gai và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi.

Nay bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND xã Q.

***. Người bị kiện Chủ tịch UBND xã Q, thị xã C trình bày:**

Vào ngày 09/08/2015 UBND xã Q có nhận được đơn yêu cầu xác định vị trí hàng rào vào nhà cụm dân cư của 7 hộ dân có sử dụng đường đi chung, phía đông giáp với hộ bà A cư ngụ ấp P1, xã Q do ông B đứng đơn. UBND xã xác minh thực tế và tiến hành hòa giải vào ngày 28/08/2015 nhưng không thành, bên ông B đồng ý đo đạc theo bản đồ địa chính chính quy để xác định

ranh đất và đường đi công cộng nhưng hộ bà A không đồng ý đo đạc theo bản đồ địa chính chính quy để xác định ranh đất.

Ngày 15/09/2015 ông B tiếp tục làm đơn gửi về UBND thị xã C yêu cầu giải quyết về việc lấn chiếm lối đi công cộng của hộ bà A.

Để có cơ sở để UBND xã hòa giải theo như đơn của ông B về việc hộ bà A lấn chiếm lối đi công cộng. Vào ngày 25/9/2015 UBND xã có gửi tờ trình số 34/TTr-UBND và ngày 22/03/2016 UBND xã tiếp tục gửi tờ trình số 04/TTr-UBND đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã C và Chi nhánh văn phòng đăng ký QSDĐ thị xã C hỗ trợ đo đạc theo bản đồ địa chính chính quy và xem xét giải quyết theo đơn yêu cầu của ông B.

Qua xem xét đơn, Chi nhánh văn phòng đăng ký QSDĐ thị xã C hướng dẫn UBND xã tiến hành đo đạc theo bản đồ địa chính chính quy để xác định phần đất của hộ bà A đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ để có cơ sở hòa giải theo đúng quy định của Luật đất đai. UBND xã cử đoàn đến phần đất để xác định và mời ông B đến UBND xã để trao đổi về nội dung khiếu nại của ông B, nhưng ông B không đồng ý và yêu cầu đo đạc phải có sự chứng kiến của các ngành, đoàn thể, các hộ tứ cận.

Để có cơ sở hòa giải vụ việc trên, vào ngày 08/06/2016 UBND xã tiến hành đo đạc theo bản đồ địa chính chính quy để xác định phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà A và cùng với sự chứng kiến của các ngành đoàn thể, các hộ dân lân cận đã xác định ranh đất để UBND xã tiến hành đo đạc theo bản đồ địa chính chính quy theo như số liệu đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ của hộ bà A. UBND xã Q, nhận thấy hiện nay hộ bà A đã cắm một trụ ranh trước đây là còn nằm trong phần đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ của hộ bà A. Vì vậy, ngày 09/06/2016 UBND xã Q có công văn số 03/CV-UBND về việc trả lời đơn yêu cầu giải quyết của ông B và ông B không thống nhất và vào ngày 10/6/2016 ông B gửi đơn về UBND thị Xã C xem xét và giải quyết.

Trong khi chờ UBND xã và các cơ quan có thẩm quyền xem xét hòa giải và giải quyết theo như nội dung trong đơn giải quyết của ông B. Trong ngày 08/06/2016 và ngày 09/06/2016 hộ bà A đã cắm 08 trụ hàng rào, UBND xã tiến hành lập biên bản yêu cầu tháo dỡ các trụ đã cắm sau khi đo đạc xác định và yêu cầu hộ bà A giữ nguyên hiện trạng trụ đã cắm chờ các cấp có thẩm quyền xem xét và giải quyết sau cùng, nhưng gia đình hộ bà A (đại diện là bà Trần Thị H con ruột bà A) không hợp tác với UBND xã và không đồng ý ký tên vào trong biên bản và tiếp tục cắm các trụ và kéo dây chì.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 09/06/2016 UBND xã mời hộ bà A (đại diện là bà H con ruột bà A) để trao đổi một số nội dung trong khi đo đạc xác định ranh đất và sự việc gia đình đã cắm trụ, làm hàng rào ngày 09/06/2016

nhưng gia đình không hợp tác và không đến UBND xã.

Ngày 20/6/2016, UBND thị xã C ra Quyết định số 2577/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác thực hiện kiểm tra và đo đạc phần đất của hộ bà A.

Ngày 27/6/2016 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã C thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang tiến hành kiểm tra và đo đạc phần đất của hộ bà A. Ngày 06/7/2016 Tổ công tác theo Quyết định 2577/QĐ-UBND có báo cáo Số 123/BCTCT về việc kiểm tra và đo đạc phần đất của hộ bà A, xử lý kiến nghị giải quyết lần chiếm đường đi. Ngày 26/7/2016 UBND xã Q nhận được Công văn số: 725/UBND-NC ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã C về việc xử lý lần chiếm lối đi của hộ bà A ngụ ấp P1, xã Q, thị xã C. Ngày 29/7/2016 UBND xã Q tiến hành mời hộ bà A (đại diện là bà H và bà K là con ruột và con dâu bà Lê Thị T) triển khai nội dung công văn trên và vận động hộ bà A tháo dỡ 08 trụ bê tông, hàng rào kẽm gai để trả lại phần diện tích đã lần chiếm theo như bản vẽ ngày 27/6/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã C.

Trong khi triển khai nội dung công văn, đại diện các con của bà A không đồng ý theo nội dung của Công văn 725/UBND-NC ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã C và gửi đơn về UBND thị xã C xem xét. Vào ngày 12/8/2016 UBND thị xã C có Công văn số 819/UBNDTD trả lời đơn của bà Lê Thị T và đề nghị hộ bà A chấp hành giải quyết của UBND xã Q theo nội dung Công văn số: 725/UBND-NC ngày 18 tháng 7 năm 2016.

Vào ngày 08/9/2016 UBND xã đã thành lập đoàn đến hộ bà A để xác định đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm.

Sau khi xác định đối tượng trực tiếp vi phạm, căn cứ vào khoản 2, 5, Điều 10, Nghị định 102/2014/NĐCP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà H và bà Lê Thị T ngụ ấp P1, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 08/9/2016.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân xã Q đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà H (Quyết định số 56/QĐ-UBND) và bà Lê Thị T (Quyết định số 57/QĐUBND) ngày 13/9/2016 và đã giao Quyết định xử phạt vào ngày 14/9/2016.

Bà H và bà Lê Thị T khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã C yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Qua đối thoại tại Tòa, UBND xã nhận thấy việc ra xử phạt vi phạm hành chính không đúng theo trình tự thủ tục quy định tại khoản 3, Điều 58, Luật xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, UBND xã đã ra quyết định hủy bỏ Quyết định số 56/QĐUBND và Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 13/9/2016.

Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HCST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã C áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, 164 và Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 6, Điều 28, khoản 1 Điều 38, Điều 58 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm Hành chính; Điều 10, 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Áp dụng các Điều 12, 166 và Điều 170 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã Q.

*. Ngày 25/8/2017, người khởi kiện Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo: yêu cầu hủy Quyết định số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã Q.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q là ông Võ Khắc N1 không đồng ý với yêu cầu của bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên Quyết định số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bản thân. Về kháng cáo của người khởi kiện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm đã xác định đúng về quan hệ pháp luật, thẩm quyền. Về nội dung: Sau khi Tòa cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm. Nhưng bà Lê Thị T không cung cấp thêm chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình do đó Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T. Nghe các bên đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

Hội đồng xét xử nghị án và nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa cấp sơ thẩm thị xã C xác định quan hệ pháp luật của vụ án là: “khiếu kiện Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý đất đai” và thụ lý được quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý đất đai số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q:

Ngày 08/6/2016 bà Lê Thị T có hành vi xây dựng 08 trụ bê tông, hàng rào kẽm trên đất phi nông nghiệp. Khi UBND xã Q tiến hành đo đạc vào ngày 27/6/2016 thì xác định bà Lê Thị T lấn chiếm lối đi công cộng diện tích 8,2m². Qua quá trình vận động tháo dỡ nhưng hộ bà A không thực hiện nên ngày 08/9/2016 UBND xã Q lập biên bản xác định đối tượng vi phạm và lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai.

Sau khi lập biên bản vi phạm ngày 08/9/2016, UBND xã Q không thực hiện việc giao biên bản vi phạm cho bà Lê Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Đến ngày 21/3/2017 UBND xã Q mới tiến hành giao biên bản vi phạm cho bà T.

Hành vi vi phạm của bà Lê Thị T được UBND xã Q lập biên bản vi phạm ngày 08/9/2016, nhưng đến ngày 21/3/2017 UBND xã Q mới tiến hành giao biên bản vi phạm cho bà T. Như vậy, thời hạn để Chủ tịch UBND xã Q ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính đã hết. Do đó, Chủ tịch UBND xã Q ban hành Quyết định số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Lê Thị T là phù hợp với khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận bà cấm 08 trụ xi măng và hàng rào kẽm gai lấn chiếm đường dân công cộng, bà khai nại ra rằng: bà cấm 08 trụ xi măng là do địa chính xã chỉ tới đâu bà cấm tới đó, chứ bà không tùy tiện

cắm, bà không đồng ý nhỏ. Đại diện ủy quyền của người bị kiện là ông Võ Khắc N1 cho rằng khi bà T cắm trụ hàng rào đầu tiên, ông B khiếu nại, Ủy ban nhân dân xã tiến hành đo đạc để có căn cứ trả lời đơn khiếu nại cho ông B, chứ không phải chỉ bà T cắm 08 trụ, 08 trụ bà T cắm sau là lấn chiếm đường dân công cộng, bà T cắm lệch 8,2m² so với ranh cũ. Diện tích đất sau khi đo đạc lại thì đất của bà T dư 35m².

Việc khai nại của bà T không có chứng cứ gì chứng minh chính quyền địa phương yêu cầu bà cắm 08 trụ xi măng lấn đường công cộng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

Như vậy, Tòa án nhân dân Thị xã C bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 26 ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND xã Q buộc bà Lê Thị T tháo dỡ 08 trụ bê tông và hàng rào kẽm gai và khôi phục lại hiện trạng ban đầu là có căn cứ phù hợp quy định tại điểm a, b Điều 28, khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 5 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nên giữ nguyên bản án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy lời trình bày đề nghị của người khởi kiện là không có cơ sở để được chấp nhận.

Qua phân tích đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Do yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bị bác nên người khởi kiện phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Xử: Bác yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HCST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 26/QĐ-KPHQ ngày 28/3/2017 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã Q.

Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001013 ngày 30/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã C, xem như nộp xong án phí phúc

thẩm.

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000672 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã C, xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 22/11/2017, vắng mặt bà T, ông N, ông P; có mặt ông Võ Khắc N1 và kiểm sát viên.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã C;
- TAND thị xã C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND thị xã C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Huyện